TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA B** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA B, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em.

2. Ông Liêu Tài Ngoánh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 về *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXX- ST ngày 07 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* - Anh Lâm Tấn B, sinh năm: 1982 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số 4/197 tỉnh lộ 38, khóm 7, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lâm Tấn B: Bà Nguyễn Việt Quỳnh, sinh năm: 1985 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khóm 2, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* - Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1983 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Láng Giải A, thị trấn Hòa B, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:*

1/ Bà Giảng Thị Thảnh, sinh năm: 1957 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Tường I, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Lâm Tấn B trình bày: Anh và chị Đặng Thị T xây dựng hôn nhân vào tháng 05/2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qúa trình chung sống hai vợ chồng anh có 01 người con chung tên Đặng Thảo T2, sinh năm: 14/02/2023 hiện đang sống chung với cả hai vợ chồng. Hai vợ chồng anh không có tài sản chung, cũng không có nợ chung gì cả. Tuy nhiên trước khi anh và chị T chung sống với nhau thì chị T đã có 01 diện tích đất riêng ngang 06 m, dài 60 m đất tọa lạc tại ấp Láng Giài A, thị trấn Hòa B, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Thời điểm anh quen chị T là đất trống. Sau khi anh và chị T sống chung thì vào khoảng tháng 10/2021 (âl) anh đã tự bỏ tiền ra xây dựng 01 căn nhà cấp 4 có chiều ngang 5,6m x chiều dài 22 m chi phí xây dựng căn nhà là 950.000.000 đồng. Anh B cũng xác định do tính chất công việc (anh là tài xế) nên anh không có thời gian để trực tiếp giám sát việc xây cất nhà nên anh đưa tiền cho chị T cụ thể anh đưa cho chị T 700.000.000 đồng còn 250.000.000 đồng mượn của mẹ chịT là bà Giảng Thị Thảnh, ngụ tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu). Và số tiền 250.000.000 đồng thì anh trực tiếp đứng ra mượn nhưng khi đưa tiền thì bà Thảnh trực tiếp đưa cho chị T, không làm giấy tờ, cũng chỉ có anh, bà Thảnh và chị T chứng kiến. Hình thức trả cho bà Thảnh là anh vào hụi 5.000.000 đồng, vô hai chân và hụi mùa 10.000.000 đồng một chân và anh đối trừ qua tiền nợ (hụi của riêng anh). Việc chuyển đóng tiền hụi cho bà Thảnh đều qua hình chuyển khoản trực tiếp thông qua số tài khoản của bà Thảnh tại ngân hàng có sao kê đầy đủ và anh đã nộp bản sao kê cho tòa án. Sau khi xây dựng xong căn nhà thì anh chị tổ chức đám cưới. Vào khoảng cuối năm 2023 dl anh tiếp tục xây thêm phần sau căn nhà và dựng hàng rào xung quanh với tiền thợ và vật tư là là 30.000.000 đồng. Nâng tổng chi phí xây dựng là 980.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 980.000.000 đồng tiền anh đã bỏ ra để xây cất nhà.

Tại biên bản đối chất tài sản ngày 10/05/2024 anh xác định nợ bà Trần Thị Hồng Vân số tiền 420.000.000 đồng (có biên nhận nợ). Nay anh B xác định không có khoản nợ này nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Theo chị Đặng Thị T là bị đơn trình bày: Về hôn nhân, con chung, nợ chung theo chị thì anh B trình bày là đúng; còn anh B cho rằng anh B đã bỏ ra số tiền 980.000.000 đồng để cất nhà và yêu cầu chị hoàn trả toàn bộ số tiền này cho anh B thì chị không đồng ý. Theo chị lời trình bày của anh B là không đúng sự thật, nhà và đất là tài sản riêng của chị, do chị tự tạo lập trước khi chị và anh B cưới nhau chứ không phải tiền riêng của anh B bỏ ra đề cất nhà như anh B trình bày.

Đối với yêu cầu phản T chia giá trị tài sản chung là chiếc xe ôto 07 chỗ hiệu vilot với giá 600.000.000 đồng, biển số xe: 94A - 09312 (xe màu trắng là tài sản chung của chị và anh B thì chị xin rút lại yêu cầu phản T này không yêu cầu nữa.

Theo bà Giảng Thị Thảnh là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trình bày (Căn cứ theo biên bản lấy lời khai): Bà xác định bà không có giao dịch liên quan gì tiền bạc gì với vợ chồng chị T, anh B. Theo bà lời anh B trình bày là không đúng sự thật.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục T tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành T tụng và những người tham gia T tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật T tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: không công nhận anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T là vợ chồng;

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Thảo T2, sinh năm: 14/02/2023 cho bà chị Đặng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Tấn B về việc yêu cầu chị Đặng Thị T phải trả cho anh B số tiền 980.000.000 đồng tiền anh B đã bỏ ra cho chị T mượn để xây cất nhà.

+ Đình chỉ yêu cầu phản T của chị Đặng Thị T đối với anh Lâm Tấn B về việc yêu cầu chia giá trị tài sản chung là chiếc xe ôto 07 chỗ hiệu vilot với giá 600.000.000 đồng *(biển số xe: 94A – 09312)*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục T tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là anh Lâm Tấn B và bị đơn là chị Đặng Thị T, địa chỉ huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật T tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T đều thống nhất anh chị có xây dựng hôn nhân gia đình vào tháng 05/2022 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T chung sống với nhau vào năm 2022 là hoàn toàn có thật, điều này đã được anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đặng Thảo T2, sinh năm: 14/02/2023, hiện cháu T2 đang ở với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu T2 đang ở với chị Đặng Thị T ổn định nên tiếp tục giao cháu T2 cho chị T

tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lâm Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đặng Thị T không yêu cầu. Anh Lâm Tấn B được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Theo như anh B trình bày trước khi anh và chị T chung sống với nhau thì chị T đã có 01 thửa đất diện tích đất riêng ngang 06 m, dài 60 m đất tọa lạc tại ấp Láng Giài A, thị trấn Hòa B, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Thời điểm anh quen chị T là đất trống. Sau khi anh và chị T sống chung thì vào khoảng tháng 10/2021 (âl) anh đã tự bỏ tiền ra xây dựng 01 căn nhà cấp 4 có chiều ngang 5,6m x chiều dài 22 m chi phí xây dựng căn nhà là 950.000.000 đồng. Ngoài ra vào khoảng cuối năm 2023 dương lịch anh tiếp tục xây thêm phần sau căn nhà và dựng hàng rào xung quanh với tiền thợ và vật tư là là 30.000.000 đồng. Nâng tổng chi phí xây dựng là 980.000.000 đồng. Anh yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 980.000.000 đồng tiền anh đã bỏ ra để xây cất nhà. Tuy nhiên anh B đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh B nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh B và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chị của anh B đối với chị Đặng Thị T đòi số tiền 980.000.000 đồng

[2.4] Đối với yêu cầu phản T chia giá trị tài sản chung là chiếc xe ôto 07 chỗ hiệu vilot với giá 600.000.000 đồng *(biển số xe: 94A – 09312)* là tài sản chung của chị Đặng Thị T với anh Lâm Tấn B: Chị T có đơn xin rút nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện và đình chỉ đối với yêu cầu này của chị Đặng Thị T.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Lâm Tấn B phải chịu 1500.000 đồng; Anh Lâm Tấn B đã dự nộp 1500.000 đồng và đã chi phí hết.

[4] Về án phí: Anh Lâm Tấn B phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình là 300.000 đồng; Anh Lâm Tấn B đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005329 ngày 0005329 được đối trừ án phí. anh Lâm Tấn B được nhận lại 20.700.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Chị Đặng Thị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005482 ngày 24/05/2024 được hoàn lại toàn bộ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa B.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 Bộ luật T tụng dân sự của Bộ luật T tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Tấn B và chị Đặng Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thảo T2, sinh năm: 14/02/2023 cho chị Đặng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lâm Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Đặng Thị T không yêu cầu. Anh Lâm Tấn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Tấn B về việc yêu cầu chị Đặng Thị T phải trả cho anh B số tiền 980.000.000 đồng, tiền anh B đã bỏ ra cho chị T mượn để xây cất nhà.

4. Đình chỉ yêu cầu phản T của chị Đặng Thị T đối với anh Lâm Tấn B về việc yêu cầu chia giá trị tài sản chung là chiếc xe ôto 07 chỗ hiệu vilot với giá 600.000.000 đồng *(biển số xe: 94A – 09312)*

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Lâm Tấn B phải chịu 1500.000 đồng; Anh Lâm Tấn B đã dự nộp 1500.000 đồng và đã chi phí hết.

6. Về án phí: Nguyên đơn anh Lâm Tấn B phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình là 300.000 đồng; Anh Lâm Tấn B đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005329 ngày 0005329 được đối trừ án phí. anh Lâm Tấn B được nhận lại 20.700.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. Chị Đặng Thị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0005482 ngày 24/05/2024 được hoàn lại toàn bộ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa B.

7. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa B;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa B;
- Ủy ban nhân dân phường 5, tp.Bac Liêu;
- Chi cục THADS huyện Hòa B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ NAM